



dīng dāng

叮当

onomatopoeia · ding-dong; jingle

Example Sentences

Tā tīng dào dīng dāng shēng zhī dào shì māo pèng dǎo le bēi zi
他听到叮当声，知道是猫碰倒了杯子。

He heard a clink and knew the cat had knocked over a cup.

Shèng dàn lǎo rén yáo zhe líng dang dīng dāng dīng dang de zǒu guò jiē dào
圣诞老人摇着铃铛，叮当叮当地走过街道。

Santa Claus shook his bell, jingling as he walked down the street.

Trace each character, then write the word on your own.

叮	叮	叮	叮	叮	叮	叮	叮												
当	当	当	当	当	当	当	当	当											